

Số ~~10722~~ 10722/BTC-CSTV/v thuế suất thuế GTGT đối
với mặt hàng Nitrat amon

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Kính gửi: - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được ý kiến của một số đơn vị phản ánh về thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng Nitrat amon (NH_4NO_3). Sau khi lấy ý kiến của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại công văn số 6599/BCT- HC ngày 6/7/2010, Bộ Công thương có ý kiến:

Nitrat amon được phân làm 2 loại chủ yếu:

- Nitrat amon hàm lượng $\geq 98,5\%$ (thường gọi là Nitrat amon hàm lượng cao): loại này chủ yếu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất thuốc nổ công nghiệp và một phần nhỏ dùng làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón;

- Nitrat amon hàm lượng $\leq 98,5\%$: loại này chủ yếu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón, không sử dụng để sản xuất thuốc nổ.

Cả 2 loại Nitrat amon nêu trên đều là hoá chất cơ bản.

Tại công văn số 1041/TT-ĐPB ngày 25/6/2010, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có ý kiến:

Nitrat amon được xác định là tiền chất nổ và không thuộc Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

Như vậy:

- Trước ngày 01/01/2009: Theo điểm 115, Phụ lục 1, Danh mục hoá chất cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT thì Nitrat amon có công thức hoá học NH_4NO_3 thuộc Danh mục hoá chất cơ bản áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5%.

- Từ ngày 01/01/2009: Theo Mục II, Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT thì Nitrat amon áp dụng thuế suất 10%.

Riêng từ ngày 01/02/2009 đến 31/12/2009, theo khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22/1/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm thuế GTGT đối với một số hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn thì Nitrat amon được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

Đối với trường hợp đã kê khai, nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% từ 01/01/2010:

(i) Đối với khâu nhập khẩu, người nhập khẩu phải kê khai, nộp bổ sung và được tính vào thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

ii) Đối với khâu nội địa: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật quản lý thuế: Bên bán phải kê khai, điều chỉnh nộp bổ sung theo thuế suất 10%, bên mua được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

Trong cả 2 trường hợp nêu trên, các đơn vị không bị xử phạt vi phạm hành chính.

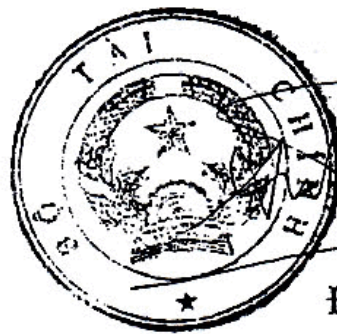
Công văn này thay thế công văn số 1923/TCHQ-KTTT ngày 14/4/2010 của Tổng cục Hải quan.

Bộ Tài chính hướng dẫn để các Cục Thuế và Cục Hải quan địa phương thống nhất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC, TCHQ, TCT;
- Công ty công nghiệp hoá chất mỏ;
- Lưu: VT; CST (CST2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

09516833